

SỞ GD&ĐT CẦN THƠ

TTLT ĐH DIỆU HIỀN

Số 27 – Đường số 1 – KDC Metro

Ninh Kiều – TP.Cần Thơ

ĐT: 0949.355.366 – 0964.222.333

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Tuần 02 – Tháng 03/2018

Môn thi: Sinh Học

Thời gian làm bài: 50 phút.

Họ, tên:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 321

NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)

Câu 41: Các loài sâu ăn lá thường có màu xanh lục lẫn với màu xanh của lá, nhờ đó mà khó bị chim ăn sâu phát hiện và tiêu diệt. Theo Đacuyn, phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. chọn lọc tự nhiên tích lũy các biến dị cá thể màu xanh lục qua nhiều thế hệ.
- B. chọn lọc tự nhiên tích lũy các đột biến màu xanh lục xuất hiện ngẫu nhiên trong quần thể sâu.
- C. khi chuyển sang ăn lá, sâu tự biến đổi màu cơ thể để thích nghi với môi trường.
- D. ảnh hưởng trực tiếp của thức ăn là lá cây có màu xanh làm biến đổi màu sắc cơ thể sâu.

Câu 42: Ở người trưởng thành, thời gian mỗi chu kỳ hoạt động của tim trung bình là:

- A. 0,6 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,2 giây, thời gian dẫn chung là 0,6 giây.
- B. 0,8 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
- C. 0,8 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,3 giây.
- D. 0,8 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,2 giây.

Câu 43: Kiểu phân bố ngẫu nhiên của các cá thể trong quần thể thường gặp khi

- A. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- D. điều kiện sống phân bố đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 44: Theo thuyết tiến hóa hiện đại, khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hóa, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố tiến hóa có hướng.
 - II. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm nghèo vốn gen của quần thể.
 - III. Di – nhập gen có thể mang đến những alen đã có sẵn trong quần thể.
 - IV. Giao phối không ngẫu nhiên chỉ làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.
- A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 45: Để phân biệt hai loài động vật thân thuộc bậc cao, người ta dùng tiêu chuẩn nào sau đây là cơ bản nhất?

- A. Tiêu chuẩn cách li sinh sản.
- B. Tiêu chuẩn sinh lí - hoá sinh.
- C. Tiêu chuẩn địa lí - sinh thái.
- D. Tiêu chuẩn hình thái.

Câu 46: Cho các ví dụ sau đây, có bao nhiêu ví dụ là một quần thể sinh vật?

- I. Tập hợp cây cỏ sống trong rừng Cúc Phương.
 - II. Tập hợp mèo sống ở 3 hòn đảo cách xa nhau ở Nhật Bản.
 - III. Tập hợp thông nhựa sống trên một quả đồi ở Côn Sơn, Hải Dương.
 - IV. Tập hợp các con cá chép ở hồ Tây, Hà Nội.
- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 47: Có bao nhiêu nhân tố sinh thái sau đây là nhân tố vô sinh?

- I. Quan hệ cộng sinh.
 - II. Sinh vật kí sinh - sinh vật chủ.
 - III. Sinh vật này ăn sinh vật khác.
 - IV. Nhiệt độ môi trường.
 - V. Mùn bã hữu cơ dưới đất.
- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 48: Khi nói về thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Giun đất ăn mùn bã hữu cơ được xếp vào nhóm sinh vật phân giải.
- II. Sâu ăn lá được xếp vào nhóm sinh vật tiêu thụ bậc 1.
- III. Nấm hoại sinh được xếp vào nhóm sinh vật sản xuất.
- IV. Hổ được xếp vào nhóm sinh vật tiêu thụ.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 49: Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

- A. Từ mạch rây sang mạch gỗ.
- B. Qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.
- C. Từ mạch gỗ sang mạch rây ở thân.
- D. Qua mạch gỗ theo chiều hướng lên.

Câu 50: Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** khi nói về hệ sinh thái?

- I. Trong một hệ sinh thái tự nhiên, càng lên bậc dinh dưỡng cao hơn năng lượng càng giảm.
- II. Hệ sinh thái tự nhiên bao gồm thành phần vô sinh và thành phần hữu sinh.
- III. Hệ sinh thái tự nhiên là một hệ thống sinh học tương đối ổn định và hoàn chỉnh.
- IV. Hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo là những hệ thống sinh học kín và hoàn chỉnh.

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 51: Hoạt động nào sau đây chỉ diễn ra trong nhân ở tế bào nhân thực?

- A. mARN được dùng làm khuôn để tổng hợp prôtêin.
- B. Khi ribôxôm tiếp xúc với mã kết thúc trên mARN thì quá trình dịch mã hoàn tất.
- C. Nhờ một enzym đặc hiệu, axit amin mở đầu được cắt khỏi chuỗi pôlipeptit vừa tổng hợp.
- D. mARN sau phiên mã phải được cắt bỏ intron, nối các êxôn lại với nhau thành mARN trưởng thành.

Câu 52: Bộ phận nào làm nhiệm vụ hấp thụ nước và muối khoáng chủ yếu ở rễ ?:

- A. Miền lông hút.
- B. Chóp rễ.
- C. Miền bản.
- D. Miền sinh trưởng.

Câu 53: Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có đặc điểm:

- A. vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng mở khí khổng.
- B. vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng mở khí khổng.
- C. vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng mở khí khổng.
- D. vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.

Câu 54: Điều ở các động vật được hình thành từ bộ phận nào của ống tiêu hoá?

- A. Điều được hình thành từ khoang miệng.
- B. Điều được hình thành từ dạ dày.
- C. Điều được hình thành từ tuyến nước bọt.
- D. Điều được hình thành từ thực quản.

Câu 55: Cơ chế duy trì cân bằng nội môi diễn ra theo trật tự nào?

- A. Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện → Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích.
- B. Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận điều khiển → Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích.
- C. Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích.
- D. Bộ phận thực hiện → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận điều khiển → Bộ phận tiếp nhận kích thích.

Câu 56: Khi nói về nguồn nguyên liệu của tiến hoá, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Tiến hoá sẽ không xảy ra nếu quần thể không có các biến dị di truyền.
- II. Đột biến gen là nguyên liệu sơ cấp chủ yếu của quá trình tiến hoá.
- III. Nguồn biến dị của quần thể có thể được bổ sung bởi sự nhập gen.
- IV. Biến dị tổ hợp trong quần thể là nguyên liệu thứ cấp của quá trình tiến hoá.

A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 57: Bộ ba mở đầu ở trên mARN có trình tự tương ứng ở trên mạch gốc của gen là:

- A. 5'TAX3'
- B. 3'ATX5'.
- C. 3'AUG5'.
- D. 3'TAX5'.

Câu 58: Tại sao ruột của động vật ăn cỏ lại rất dài so với ruột của động vật ăn thịt?

- A. Để chứa được nhiều cỏ.
- B. Để chứa nhiều vi sinh vật cộng sinh.
- C. Vì chúng thường có kích thước lớn nên có ruột dài.
- D. Để tiêu hóa và hấp thụ triệt để chất dinh dưỡng.

Câu 59: ADN tái tổ hợp mang gen mã hóa insulin tạo ra bằng kỹ thuật di truyền được đưa vào trong tế bào E.coli nhằm mục đích

- A. làm bất hoạt các enzym cần cho sự nhân đôi ADN của E.coli.
- B. ức chế hoạt động hệ gen của tế bào E.coli.
- C. làm cho ADN tái tổ hợp kết hợp với ADN vi khuẩn.
- D. tạo điều kiện cho gen đã ghép được biểu hiện.

Câu 60: Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** đối với tháp sinh thái?

- I. Tháp năng lượng bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
- II. Tháp số lượng bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
- III. Tháp sinh khối luôn có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
- IV. Tháp số lượng được xây dựng dựa trên sinh khối của mỗi bậc dinh dưỡng.

- A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 61: Khi lai thứ cà chua đỏ lưỡng bội thuần chủng với thứ cà chua lưỡng bội quả vàng thì ở F₁ thu được toàn cây quả đỏ. Xử lý consixin để tứ bội hóa các cây F₁, rồi chọn 3 cặp cây bố mẹ để giao phối thì ở F₂ xảy ra ba trường hợp sau:

- *Trường hợp 1: 1890 cây quả đỏ và 54 cây quả vàng.
- *Trường hợp 2: 341 cây quả đỏ và 31 cây quả vàng.
- *Trường hợp 3: 151 cây quả đỏ và 50 cây quả vàng.

Cho biết tính trạng màu sắc quả do 1 gen chi phối và quá trình giảm phân ở các cây F₁ xảy ra bình thường. Theo lý thuyết, kiểu gen của F₁ có thể là:

- A. AAaa; Aaaa; Aa, AA, aa. B. AAaa, Aa, AA, aa.
- C. Aa; AAaa. D. AAaa; Aaaa; Aa.

Câu 62: Một gen có chiều dài 4080A⁰ và có 3075 liên kết hiđrô. Một đột biến điểm không làm thay đổi chiều dài của gen nhưng làm giảm đi 1 liên kết hiđrô. Khi gen đột biến này nhân đôi liên tiếp 4 lần thì số nu mỗi loại môi trường nội bào phải cung cấp là

- A. A = T = 10784; G = X = 8416. B. A = T = 10110; G = X = 7890.
- C. A = T = 7890; G = X = 10110. D. A = T = 8416; G = X = 10784.

Câu 63: Ở ruồi giấm, gen quy định màu mắt nằm trên vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X có 2 alen, alen A quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định mắt trắng. Lai ruồi cái mắt đỏ với ruồi đực mắt trắng (P) thu được F₁ gồm 50% ruồi mắt đỏ, 50% ruồi mắt trắng. Cho F₁ giao phối tự do với nhau thu được F₂. Theo lý thuyết, trong tổng số ruồi F₂, ruồi cái mắt đỏ chiếm tỉ lệ

- A. 31,25%. B. 6,25%. C. 18,75%. D. 75%.

Câu 64: Ở 1 loài động vật, gen quy định tính trạng màu mắt có 4 alen quy định 4 màu tương ứng là: a₁ – nâu, a₂ – vàng, a₃ – đỏ, a₄ – trắng, nằm trên NST thường. Tiến hành 3 phép lai thu được 3 kết quả sau:

- * Phép lai 1: mắt đỏ x mắt đỏ → F₁: 75% mắt đỏ : 25% mắt nâu.
- * Phép lai 2: mắt vàng x mắt vàng → F₁: 75% mắt vàng : 25% mắt trắng.
- * Phép lai 3: mắt nâu x mắt vàng → F₁: 25% mắt trắng : 50% mắt nâu : 25% mắt vàng.

Kiểu gen tương ứng của các phép lai 1, 2, 3 lần lượt là các phép lai?

- A. a₃a₁ x a₃a₁; a₂a₄ x a₂a₄ và a₁a₄ x a₂a₄. B. a₃a₂ x a₃a₂; a₂a₄ x a₂a₄ và a₁a₄ x a₂a₄.
- C. a₃a₁ x a₃a₁; a₂a₄ x a₂a₄ và a₁a₄ x a₂a₂. D. a₃a₁ x a₃a₁; a₂a₄ x a₂a₃ và a₁a₄ x a₂a₄.

Câu 65: Có bao nhiêu phát biểu sau đây là **đúng** khi nói về quá trình nhân đôi ADN?

- I. Quá trình nhân đôi ADN diễn ra ở kì đầu quá trình phân bào.
- II. Trên mạch khuôn có chiều 5' → 3', mạch mới bổ sung được tổng hợp gián đoạn.
- III. Trên mạch khuôn có chiều 3' → 5', mạch mới bổ sung được tổng hợp liên tục.
- IV. Đoạn Okazaki được tổng hợp theo chiều 5' → 3.

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 66: Một cơ thể có tế bào chứa cặp nhiễm sắc thể giới tính X^AX^a. Trong quá trình giảm phân phát sinh giao tử, ở một số tế bào cặp nhiễm sắc thể này không phân li trong lần phân bào II. Có thể có bao nhiêu loại giao tử được tạo ra từ cơ thể trên?

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 67: Phân tích thành phần nucleôtit của 3 chủng virus thu được kết quả sau:

Chủng A: A = U = G = X = 25%; Chủng B: A = T = G = X = 25%; Chủng C: A = G = 20%; T = X = 30%.

Kết luận nào sau đây **đúng**?

A. Vật chất di truyền của chủng virus A và chủng virus C là ARN, chủng virus B là ADN.

B. Vật chất di truyền của chủng virus A là ARN và chủng virus B là ADN mạch kép, chủng virus C là ADN 1 mạch.

C. Vật chất di truyền của cả 3 chủng virus A, B, C đều là ADN.

D. Vật chất di truyền của chủng virus A là ARN và chủng virus B là ADN 1 mạch, chủng virus C là ADN 2 mạch.

Câu 68: Bộ NST của 1 loài thực vật có hoa gồm 5 cặp NST (ký hiệu I, II, III, IV, V). Khi khảo sát 1 quần thể của loài này, người ta phát hiện ba thể đột biến (ký hiệu a, b, c). Phân tích tế bào học ba thể đột biến đó, thu được kết quả sau:

Thể đột biến	Số lượng NST đếm được ở từng cặp				
	I	II	III	IV	V
a	3	3	3	3	3
b	5	5	5	5	5
c	1	2	2	2	2

Tên gọi của của các thể đột biến trên là :

A. a- là thể ba ; b- ngũ bội và c- dị bội.

B. a- là đa bội chẵn ; b- ngũ bội và c- thể một.

C. a- là thể ba ; b- ngũ bội và c- thể một.

D. a- là tam bội ; b- ngũ bội và c- thể một.

Câu 69: Ở gà, gen A quy định lông đốm, a quy định lông đen liên kết trên NST giới tính X; B quy định thân cao, b quy định thân thấp nằm trên NST thường. Tỷ lệ kiểu hình 9 gà lông đốm, thân cao : 3 gà lông đốm, thân thấp : 3 gà lông đen, thân cao : 1 gà lông đen, thân thấp có thể xuất hiện ở phép lai:

A. $X^A X^a B B \times X^A Y b b$. B. $X^A X^a B b \times X^A Y B b$. C. $X^A X^a B b \times X^a Y B b$. D. $X^A X^a B b \times X^A Y B B$.

Câu 70: Cho cặp P thuần chủng về các gen tương phản giao phấn với nhau. Tiếp tục tự thụ phấn các cây F_1 với nhau, thu được F_2 có 20 cây mang kiểu gen aabbdd. Về lý thuyết, hãy cho biết số cây thuần chủng ở F_2 là bao nhiêu?

A. 150 cây.

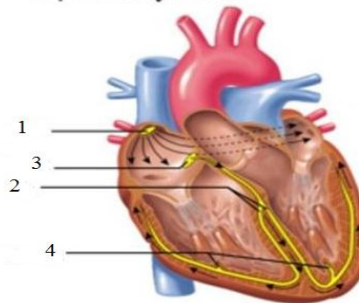
B. 16 cây.

C. 45 cây.

D. 160 cây.

Câu 71: Dựa vào hình vẽ, cho biết chú thích nào đúng về các bộ phận trong hệ dẫn truyền tim ?

Hệ dẫn truyền tim



A. 1-Nút xoang nhĩ; 3- Nút nhĩ thất ; 4- Bó his; 2- Mạng Puôckin.

B. 2-Nút xoang nhĩ; 3- Nút nhĩ thất ; 1- Bó his; 4- Mạng Puôckin.

C. 1-Nút xoang nhĩ; 2- Nút nhĩ thất ; 3- Bó his; 4- Mạng Puôckin.

D. 1- Nút xoang nhĩ; 3- Nút nhĩ thất ; 2- Bó his; 4- Mạng Puôckin.

Câu 72: Khi nói về sự phân bố cá thể trong không gian của quần xã, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

I. Sinh vật phân bố theo chiều ngang thường tập trung nhiều ở vùng có điều kiện sống thuận lợi như vùng đất màu mỡ, độ ẩm thích hợp, thức ăn dồi dào.

II. Phân bố cá thể trong không gian của quần xã tùy thuộc vào nhu cầu sống của từng loài.

III. Sự phân bố cá thể trong tự nhiên có xu hướng làm giảm bớt mức độ cạnh tranh giữa các loài và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống của môi trường.

IV. Trong hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, chỉ có sự phân tầng của các loài thực vật, không có sự phân tầng của các loài động vật.

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

Câu 73: Ở một loài thực vật lưỡng bội: gen (A) quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen (a) quy định thân thấp; gen (B) quy định cánh hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen (b) quy định cánh hoa trắng. Mọi diễn biến trong giảm phân và thụ tinh đều bình thường. Cho phép lai P: thân cao, hoa đỏ x thân thấp, hoa trắng thu được F₁ toàn thân cao, hoa đỏ. Dem F₁ tự thụ thu được F₂ gồm 4 kiểu hình trong đó cây thân thấp, hoa đỏ có kiểu gen đồng hợp chiếm 1,44%. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. Ở F₁ alen A và B cùng nằm trên 1 nhiễm sắc thể.
 - II. F₂ có 9 loại kiểu gen trong đó có 5 kiểu gen quy định kiểu hình hai tính trội.
 - III. F₂ có kiểu hình mang 2 tính trạng trội chiếm 64,44%.
 - IV. Khi lai F₁ với cây thấp, đỏ có kiểu gen dị hợp, thì đời con (F₂₋₁) xuất hiện cây cao, hoa trắng là 6%.
- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

Câu 74: Ở một loài thực vật giao phấn tự do, alen A quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen a quy định quả dài; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Hai cặp gen này nằm trên hai cặp nhiễm sắc thể thường khác nhau. Khi quần thể F₁ cân bằng di truyền, người ta thống kê thấy có 27% quả tròn, hoa đỏ; 9% quả tròn, hoa trắng; 48% quả dài, hoa đỏ; 16% quả dài, hoa trắng. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. Trong số cây quả tròn, hoa đỏ ở F₁ cây có kiểu gen thuần chủng chiếm tỉ lệ 37%.
 - II. Tỉ lệ phân li kiểu gen của cây quả dài ở F₁ là 16 : 8 : 1.
 - III. Tần số alen A, a lần lượt là 50% và 50%.
 - IV. Cho tất cả các cây quả tròn, hoa đỏ ở F₁ giao phấn ngẫu nhiên thì tỷ lệ cây quả dài, hoa trắng ở đời con là 2,194%.
 - V. Ở F₁, quả dài hoa đỏ thuần chủng chiếm tỉ lệ 16%.
- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 75: Ở một loài thực vật lưỡng bội, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cho các cây hoa đỏ (P) lai với cây hoa đỏ có kiểu gen dị hợp tử, F₁ thu được kiểu hình phân li theo tỉ lệ 11 hoa đỏ: 1 hoa trắng. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. F₁ có 3 kiểu gen quy định cây hoa đỏ.
 - II. F₁ có tỉ lệ phân li kiểu gen là 5:6:1.
 - III. Trong số những cây hoa đỏ F₁, cây có kiểu gen đồng hợp chiếm tỉ lệ 5/11.
 - IV. Cho các cây hoa đỏ F₁ tự thụ phân, xác suất thu được hoa trắng ở đời con là 13,64%.
- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 76: Ở một loài thực vật giao phối, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định tính trạng hoa trắng. Xét phép lai P: ♂Aa x ♀Aa. Giả sử trong quá trình giảm phân của cơ thể đực đã xảy ra đột biến thuận (A→a), cơ thể cái giảm phân bình thường. Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các loại giao tử đực và cái trong thụ tinh đã tạo được các cây hoa đỏ ở thế hệ F₁ chiếm tỉ lệ 70%. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

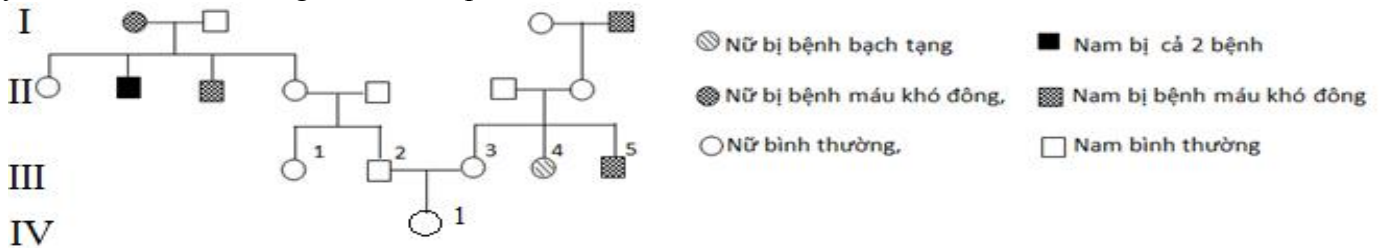
- I. Trong tổng số các cây hoa đỏ ở thế hệ F₁, cây có kiểu gen đồng hợp trội chiếm tỉ lệ 2/7.
 - II. Tần số đột biến xảy ra ở cơ thể đực là 10%.
 - III. Tỉ lệ kiểu gen của F₁ là 6 : 2 : 3.
 - IV. Nếu không có đột biến phát sinh ở F₁ thì tần số alen A = 0,45, a = 0,55.
- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 77: Một quần thể thực vật tự thụ phân, thế hệ xuất phát (P₀) có thành phần kiểu gen là 0,3AABb : 0,2AaBb : 0,5Aabb. Cho (P₀) tự thụ phân thu được F₁. Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng** ở thế hệ F₁?

- I. Có tối đa 10 loại kiểu gen.
- II. Số cá thể có kiểu gen đồng hợp tử lặn về cả hai cặp gen chiếm tỉ lệ 13,75%.
- III. Số cá thể có kiểu hình trội về một trong hai tính trạng chiếm tỉ lệ 54,5%.
- IV. Số cá thể có kiểu gen mang hai alen trội chiếm tỉ lệ 32,3%.

A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 78: Ở người, alen A quy định da bình thường trội hoàn toàn so với alen a quy định da bạch tạng. Bệnh máu khó đông do alen lặn b nằm trên vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X, alen B quy định máu bình thường. Cho sơ đồ phả hệ sau:



Biết bố người đàn ông ở thế hệ thứ ba không mang alen gây bệnh, không phát sinh đột biến mới ở tất cả các cá thể trong phả hệ. Theo lý thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. Xác suất để người con IV-1 không mang alen gây bệnh là 15/34.
 - II. Có thể xác định được chính xác kiểu gen về cả hai gen của 6 người trong phả hệ.
 - III. Nếu người III-1 kết hôn với người đàn ông không bệnh đến từ một quần thể cân bằng có tần số alen bệnh bạch tạng là 10% thì xác suất con bị bệnh là 23,52%.
 - IV. Xác suất người III-3 có kiểu gen đồng hợp là 1/6.
 - V. Cặp bố mẹ (III-2 và III-3) chắc chắn không sinh con mắc cả hai bệnh.
- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 79: Cho hai thứ lúa mì thân cao, hạt màu đỏ đậm với lúa mì thân thấp, hạt màu trắng; thu được F₁ 100% thân cao, hạt màu hồng. Cho F₁ giao phấn ngẫu nhiên, F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 6,25% thân cao, hạt màu đỏ đậm : 25% thân cao, hạt màu đỏ vừa : 31,25% thân cao, hạt màu hồng : 12,5% thân cao, hạt màu hồng nhạt : 6,25% thân thấp, hạt màu hồng : 12,5% thân thấp, hạt màu hồng nhạt : 6,25% thân thấp, hạt màu trắng. Theo lý thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. Tính trạng màu sắc di truyền theo kiểu tương tác cộng gộp.
 - II. Có 2 kiểu gen quy định kiểu hình thân cao, hạt đỏ vừa.
 - III. Khi cho cây F₁ lai phân tích, tỉ lệ kiểu hình thu được là 1 : 1 : 1 : 1.
 - IV. Ở F₂ tỉ lệ kiểu gen dị hợp về tất cả các gen chiếm 25%.
 - V. Kiểu gen ở F₁ chắc chắn dị hợp hai cặp gen.
- A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 80: Khi tiến hành lai hai dòng chim Sáo thuần chủng khác nhau trong cùng một loài: Chim ♂ màu đen x ♀ màu đen được thế hệ F₁ đồng loạt có màu xanh da trời. Cho F₁ lai với nhau thu được thế hệ con F₂ có tỉ lệ: 3 ♀ màu xanh da trời : 4 ♀ màu đen : 1 ♀ màu trắng : 6 ♂ lông xanh da trời : 2 ♂ lông đen. Tiếp tục cho F₂ tạp giao với nhau được F₃. Theo lý thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây **đúng**?

- I. Kiểu gen của P ♂ aaX^BX^B x ♀ AAX^bY.
 - II. Ở F₃, tỉ lệ kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 : 6 : 3 : 1 : 2 : 1.
 - III. Ở F₃, tỉ lệ cá thể ♀ màu xanh da trời là 9/32.
 - IV. Trong số cá thể ♂ ở F₃, tỉ lệ cá thể lông đen là 1/4.
- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 321

	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
A																				
B																				
C																				
D																				
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
A																				
B																				
C																				
D																				